

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:**

**a) Thông tin tóm tắt về dự toán mua sắm**

- Tên dự án: Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Thuần Trung;
- Chủ đầu tư: UBND xã Thuần Trung;
- Nguồn kinh phí: Nguồn phí dịch vụ vệ sinh môi trường;

**b) Thông tin tóm tắt về gói thầu**

- Tên gói thầu: Gói 01: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt;
- Giá gói thầu phê duyệt: **2.971.925.640 đồng**;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng;

**2. Mục tiêu, phạm vi công việc:**

Nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường khu vực xã Thuần Trung, tỉnh Nghệ An.

**3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;
- Di chuyển công cụ thu rác dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên địa bàn xã;
- Di chuyển công cụ thu gom rác đến điểm tập kết rác và chuyển sang xe chuyên dùng;
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Vệ sinh, tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.
- Khối lượng cụ thể như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG RÁC THẢI DỰ KIẾN**

TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Số lượng	Lượng rác thải (kg/ngày)	Khối lượng rác thải/năm (Kg)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình cư trú không tham gia kinh doanh</b>					
1	Hộ nghèo	Khẩu	398	0,52	75.540	
2	Các đối tượng còn lại	Khẩu	24.661	0,52	4.680.658	
<b>II</b>	<b>Các hộ tham gia sản xuất, kinh doanh dịch vụ</b>					

TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Số lượng	Lượng rác thải (kg/ngày)	Khối lượng rác thải/năm (Kg)	Ghi chú
1	Các hộ bán xăm lốp ô tô, sửa chữa ô tô, xe máy, bán vật liệu xây dựng	Hộ	44	2,08	33.405	
2	Các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ khác, sử dụng 1 lao động	Hộ	199	1,04	75.540	
3	Các hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống, hàng tạp hóa sử dụng 1 lao động	Hộ	17	1,56	9.680	
4	Kinh doanh nhà nghỉ, nhà trọ	Giường	29	0,52	5.504	
<b>III</b>	<b>Các chợ có địa điểm kinh doanh cố định</b>					
<b>1</b>	<b>Hàng khác</b>					
	Hộ có doanh số bán trên 5 triệu đồng/tháng	Quầy, ốt	72	0,52	13.666	
<b>2</b>	<b>Hàng tươi sống</b>					
	Hộ có doanh số bán trên 5 triệu đồng/tháng	Quầy, ốt	56	1,04	21.258	
<b>IV</b>	<b>Các chợ không tính điểm kinh doanh cố định</b>					
1	Chợ tạm Lạc Sơn	Chợ	1	200	73.000	
2	Chợ tạm Minh sơn	Chợ	1	10	3.650	
<b>V</b>	<b>Các cơ quan, tổ chức, trường học</b>					
1	Trụ sở cơ quan	Người lao động	148	0,52	28.090	
2	Trạm y tế	Người lao động	28	0,52	5.314	
3	Trường học	Người lao động	397	0,52	75.351	
4	Đơn vị đóng quân	Người lao động	632	0,52	119.954	
<b>Tổng</b>					<b>5.220.610</b>	

#### 4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

#### 5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Các bên liên quan sẽ kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, thanh, quyết toán hợp đồng theo đúng các quy định hiện hành.